

SỈ SỐ HỌC SINH, SINH VIÊN THÁNG 8 / 2016

Tính đến ngày 10 / 8/ 2016

KHÓA 2014 TCCN							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 14TC-ĐT	7			6 14TC-Ô2	25		
2 14TC-Đ1	36		2	7 14TC-MT	27	24	1
3 14TC-ĐL	30			8 14TC-QTM	18		2
4 14TC-CKT_P	37						
5 14TC-Ô1	31		4	TỔNG CỘNG	211	24	9
KHÓA 2015 TCCN (12+2)_(TN_THPT hoặc chưa TN_THPT)							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15TN-Đ	20			4 15TN-Ô	14		
15TCT-Đ	31			15TCT-Ô	30		
2 15TN-NL	16			5 15TN-MTT	3	3	
15TCT-NL	16			15TCT-MTT	3	3	
3 15TN-CK	21			6 15TN-QTM	7	1	
15TCT-CK	24			15TCT-QTM	15		
				TỔNG CỘNG	200	7	0
KHÓA 2015 TCCN (9+3)							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15TC-Đ	36			4 15TC-QTM	42	5	
2 15TC-NL	22						
3 15TC-Ô	50			TỔNG CỘNG	150	5	0
KHÓA 2013 CAO ĐẲNG							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 13CĐ-ĐT1	53	1	2	11 13CĐ-Ô1	56		
2 13CĐ-ĐT2	58		5	12 13CĐ-Ô2	57		
3 13CĐ-Đ1	45			13 13CĐ-Ô3	57	1	
4 13CĐ-Đ2	51		2	14 13CĐ-M	54	50	
5 13CĐ-Đ3	40		1	15 13CĐ-TP1	39	6	
6 13CĐ-NL1	47	1		16 13CĐ-TP2	32	2	
7 13CĐ-CK1	55		1	17 13CĐ-TM1	38	5	3
8 13CĐ-CK2	52		2	18 13CĐ-TM2	35	3	
9 13CĐ-CK3	57		4				
10 13CĐ-CK4	51			TỔNG CỘNG	877	69	20

KHÓA 2014 CAO ĐẲNG								
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	
1 14CD-ĐT1	46		2	10 14CD-Ô2	43		1	
2 14CD-ĐT2	45			11 14CD-Ô3	53		2	
3 14CD-Đ1	40			12 14CD-Ô4	43			
4 14CD-Đ2	37		1	13 14CD-Ô5	42		6	
5 14CD-NL1	37			14 14CD-M1	35	33	1	
6 14CD-CK1	55	2	4	15 14CD-TP1	32		1	
7 14CD-CK2	56		3	16 14CD-TP2	27	3	3	
8 14CD-CK3	55		3	17 14CD-TM1	23	1		
9 14CD-Ô1	43		5	TỔNG CỘNG	712	39	32	
KHÓA 2015 CAO ĐẲNG								
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	
1 15CD-ĐĐT1	58	1		21 15CD-CTM5	67			
2 15CD-ĐĐT2	52			22 15CD-Ô1	58			
3 15CD-ĐĐT3	51			23 15CD-Ô2	50			
4 15CD-ĐĐT4	48			24 15CD-Ô3	57			
5 15CD-ĐĐT5	48	1		25 15CD-Ô4	58			
6 15CD-ĐĐT6	49			26 15CD-Ô5	51			
7 15CD-ĐĐT7	47			27 15CD-Ô6	50			
8 15CD-ĐĐT8	48			28 15CD-Ô7	57			
9 15CD-ĐĐT9	35			29 15CD-Ô8	54	1		
10 15CD-ĐL1	60			30 15CD-Ô9	21			
11 15CD-ĐL2	61			31 15CD-MTT1	52	41		
12 15CD-ĐL3	66			32 15CD-MTT2	47	38		
13 15CD-CĐ1	40			33 15CD-MTT3	52	49		
14 15CD-CĐ2	51			34 15CD-TP1	54	2		
15 15CD-CĐT1	40			35 15CD-TP2	55	5		
16 15CD-CĐT2	45	1		36 15CD-TP3	62	4		
17 15CD-CTM1	70			37 15CD-TM1	65	0		
18 15CD-CTM2	70			38 15CD-TM2	68	4		
19 15CD-CTM3	70	1		39 15CD-TW	68	5		
20 15CD-CTM4	70			TỔNG CỘNG	2125	153	0	
KHÓA 2015 CAO ĐẲNG NGHỀ (12+3)								
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	
1 15CDN-Ô	64			2 15CDN-QTD	20	11		
				TỔNG CỘNG	84	11	0	
KHÓA 2015 CAO ĐẲNG NGHỀ (9+4)								
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	
1 15TCN-Đ	48			7 15TCN-MTT	29	24		
2 15TCN-ĐT	42			8 15TCN-QTM1	54	6		
3 15TCN-LĐL	51			9 15TCN-QTM2	63	6		
4 15TCN-CKL	53			10 15TCN-KTD	42	30		
5 15TCN-Ô1	55							
6 15TCN-Ô2	55			TỔNG CỘNG	492	66	0	

KHÓA 2015 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (01 lớp ghép)							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15CD-LTĐ	29			ghép 15CD-LTÔTÔ	12		
15CD-LTCK	7			TỔNG CỘNG	48	0	0

* Tổng HSSV toàn Trường: 105 Lớp 4899 (Nữ: 374)

- Cao đẳng chuyên nghiệp: 3714 (Nữ: 261)

- Trung cấp chuyên nghiệp (12+2): 411 (Nữ: 31)

- Trung cấp chuyên nghiệp (9+3): 150 (Nữ: 5)

- Cao đẳng nghề (12+3): 84 (Nữ: 11)

- Cao đẳng nghề (9+4): 492 (Nữ: 66)

- Cao đẳng Liên thông: 48 (Nữ: 0)

* Trong đó: Tuyển mới NH.15-16 có : 3099 /62 Lớp

- Cao đẳng chuyên nghiệp: 2125 /39 Lớp

- Trung cấp chuyên nghiệp (12+2): 200 /06 Lớp

- Trung cấp chuyên nghiệp (9+3): 150 /04 Lớp

- Cao đẳng nghề (12+3): 84 /02 Lớp

- Cao đẳng nghề (9+4): 492 /10 Lớp

- Cao đẳng Liên thông: 48 /01 Lớp

* Tổng số HSSV theo địa giới:

- Hộ khẩu TP.Hồ Chí Minh (A): 1,562

- Hộ khẩu Tỉnh (B): 3,337

* Khóa 2015 TCCN(12+2) TN.THPT hoặc chưa TN.THPT, TCCN(9+3) ngày 05/10/2015 học theo TKB

* Khóa 2015 Cao đẳng chuyên nghiệp 12/10/2015 học theo TKB

* Khóa 2015 Cao đẳng nghề (12+3 và 9+4) ngày 19/10/2015 học theo TKB

* Khóa 2015 Cao đẳng liên thông ngày 14/ 3/2016 học theo TKB

* Bảo lưu & Tạm ngừng học vào học tiếp 61

* Tỷ lệ hao hụt 15-16 Giám/NH Giám/T Tỷ lệ % /năm học Tỷ lệ % /tháng

- Khóa: 2014 TCCN 222 11 0 4.95 0.00

- Khóa: 2015 TCCN (12+2) 273 73 0 26.74 0.00

- Khóa: 2015 TCCN (9+3) 152 2 0 1.32 0.00

- Khóa: 2013 Cao đẳng 955 77 0 8.06 0.00

- Khóa: 2014 Cao đẳng 871 159 2 18.25 0.28

- Khóa: 2015 Cao đẳng 2249 124 1 5.51 0.05

- Khóa: 2015 Cao đẳng nghề (12+3) 86 2 1 2.33 1.18

- Khóa: 2015 Cao đẳng nghề (9+4) 509 17 0 3.34 0.00

- Khóa: 2015 Cao đẳng liên thông 48 0 0 0.00 0.00

Tổng toàn trường = 5365 465 4 8.67 0.08

* Trong đó: Tổng số HSSV ở các Khoa

Khoa	Lớp	TCCN	Lớp	Cao đẳng	Tổng số	Ghi chú
Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	6	220	18	880	1100	29SVLTĐ(Lớp ghép)
Khoa CN Nhiệt lạnh	4	135	5	271	406	
Khoa CN Cơ khí	3	135	16	911	1046	07SVLTCK(Lớp ghép)
Khoa CN Động lực	6	260	18	926	1186	12SVLTÔTÔ(Lớp ghép)
Khoa Công nghệ May - Thời trang	3	62	5	240	302	
Khoa Công nghệ Thông tin	5	199	13	598	797	
Khoa Kinh tế	1	42	1	20	62	
Tổng toàn trường	28	1053	76	3846	4899	105

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV



Nguyễn Thanh Lâm

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ